

SỰ TIẾN TRIỂN CỦA KHÁI NIỆM HÓA THÂN (AVATĀRA) TRONG VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG ẤN ĐỘ

The evolution of the Avatāra notion in the Indic traditional culture

LÊ THỊ HẰNG NGA*

THÍCH NỮ NHƯ NGUYỆT**

Ngày nhận bài: 15/9/2025, ngày gửi phản biện: 19/9/2025, ngày duyệt đăng: 01/10/2025

Bài viết nhằm làm rõ quá trình hình thành, phát triển, sự biến thể, mở rộng và ý nghĩa của khái niệm hóa thân (Avatāra) trong văn hóa truyền thống Ấn Độ, từ văn học Veda đến các truyền thống triết học - tôn giáo sau này như Vaiṣṇavism, Śaivism và Phật giáo Đại thừa. Trên cơ sở sử dụng phương pháp nghiên cứu phân tích, tổng hợp và khảo cứu tài liệu, bài viết chứng minh, khái niệm Avatāra không chỉ là hiện tượng thần học, mà còn là biểu hiện của sự năng động trong văn hóa tôn giáo Ấn Độ, thể hiện khả năng thích ứng và tái định hình của tư tưởng tôn giáo qua các thời kỳ và bối cảnh xã hội khác nhau.

Từ khóa: Hóa thân (Avatāra), Phật giáo Đại thừa, truyền thống Ấn Độ.

This paper aims at clarifying the formation, evolution, variation and expansion of the Avatāra notion in Indic traditional culture, from the Vedic period to later philosophical and religious traditions such as Vaiṣṇavism, Śaivism and Mahayana Buddhism. Based on methods of analysis, synthesis and text survey, the paper demonstrates that the concept of Avatāra is not only a theological phenomenon, but also a manifestation of the dynamism in Indic religious traditions, illustrating the adaptability and reshaping of religious thought across different ages and social contexts.

Keywords: Avatāra, Mahayana Buddhism, Indic traditions.

Mở đầu

Khái niệm *Avatāra* (संस्कृत: अवतार), thường được dịch là “hiện thân” hay “giáng thế”, bắt nguồn từ động từ *ava-tṛ*, có nghĩa là “đi xuống”. Trong văn hóa tôn giáo Ấn Độ, *Avatāra* hàm ý việc một vị thần, đặc biệt là Viṣṇu, giáng trần để thực hiện một nhiệm vụ thiêng liêng, như phục hồi trật tự vũ trụ, tiêu diệt ác quỷ hoặc cứu độ chúng sinh (W. Doniger, 1981). Tuy nhiên, khái niệm này luôn biến đổi, thích nghi và phát triển qua các giai đoạn lịch sử.

* Tiến sĩ, Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi; Tác giả liên hệ; Email: hangngadph@gmail.com

**Tiến sĩ, Ni sư, Khoa Lịch sử Phật giáo, Học viện Phật giáo Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh;
Email: nhunguyethuelam@gmail.com

Ban đầu, ý niệm hóa thân chưa xuất hiện rõ nét trong các văn bản Veda cổ điển mà chỉ mang tính biểu tượng. Tuy nhiên, đến sử thi *Mahābhārata*, *Rāmāyaṇa*, khái niệm *Avatāra* đã được phát triển sâu sắc, gắn với thần Vishnu như là đáng giáng thế nhằm cứu độ thế gian. Trong truyền thống Vaiṣṇava, mười hóa thân (*Daśāvatāra*) của Vishnu được hệ thống hóa, phản ánh niềm tin tôn giáo và tiến trình diễn giải thần thoại theo chiều hướng xã hội - lịch sử. Trong khi đó, truyền thống Śaiva đôi khi cũng tiếp nhận khái niệm này nhưng theo cách biến thể, ví dụ như các hiện thân của thần Śhiva. Đáng chú ý, khái niệm hóa thân cũng được chuyển hóa trong Phật giáo Đại thừa, thông qua hình ảnh các vị Bồ Tát thị hiện cứu khổ, phản ánh sự ảnh hưởng qua lại giữa các truyền thống tôn giáo Ấn Độ.

Thông qua phương pháp phân tích, tổng hợp và khảo cứu tư liệu, bài viết làm rõ sự hình thành, phát triển và ý nghĩa của khái niệm hóa thân (*Avatāra*) trong văn hóa truyền thống Ấn Độ, từ văn học Veda đến các truyền thống triết học - tôn giáo sau này như Vaiṣṇavism, Śaivism và Phật giáo Đại thừa.

1. Nguồn gốc khái niệm *Avatāra* trong văn học Veda

Văn học Veda (Vệ Đà), bao gồm R̥gveda, Sāmaveda, Yajurveda và Atharvaveda, không hề sử dụng thuật ngữ *Avatāra* theo nghĩa như trong các văn bản Purāṇa. Tuy nhiên, ý niệm về việc thần linh nhập thể hay can thiệp trực tiếp vào thế giới phàm tục đã bắt đầu manh nha. R̥gveda, bộ Veda cổ nhất (khoảng 1500 - 1200 TCN), mô tả các vị thần như Indra, Agni, Varuṇa thường xuyên tham gia vào thế giới con người thông qua các hình thức hành động kỳ diệu, hiện thân hoặc hóa thân tạm thời (G. Flood, 1996).

Indra, vị thần chiến binh, là một trong những nhân vật quan trọng nhất trong R̥gveda, thường được mô tả như một thực thể có khả năng biến hóa, tiêu diệt quỷ Vṛtra để mang lại mưa và sự sống (R̥gveda 1.32.1-15). Mặc dù hành vi của Indra không được gọi là *Avatāra*, nhưng đó là tiền đề cho niềm tin rằng các vị thần có thể “xuống thế gian” nhằm bảo vệ trật tự vũ trụ (*ṛta*), một quan điểm sau này trở thành cốt lõi trong lý thuyết *Avatāra* của Viṣṇu (D. Kinsley, 1986).

Agni, thần lửa, cũng được xem như cầu nối giữa thần linh và con người, hiện diện trong mọi tế lễ, mang vật phẩm tế lễ từ con người lên các cõi trời. Theo cách đó, Agni có vai trò trung gian - một loại “hiện thân” của thần lực trên trần gian. Dù không phải là *Avatāra* theo nghĩa hậu kỳ, nhưng đây là hình ảnh gợi mở việc thần linh cư ngụ và hành động trong thế giới vật chất (Ramesh C. Dutt, 2019).

Sự phát triển của khái niệm *Avatāra* trở nên rõ nét hơn trong văn học hậu Vệ Đà, đặc biệt là trong các văn bản như *Bṛhadāraṇyaka Upaniṣad* và *Chāndogya Upaniṣad*. Tại đây, ý tưởng về *Brahman*, thực thể tối cao, được đề cao, và con người có thể đạt giải thoát bằng việc nhận thức rằng bản ngã (*ātman*) đồng nhất với *Brahman* (S. Radhakrishnan, 1953). Tuy nhiên, không ít đoạn văn cho thấy *Brahman* hay các vị thần cũng có thể “xuất hiện” trong dạng cụ thể nhằm chỉ dẫn hoặc cứu độ chúng sinh, dù chưa gọi bằng danh từ *Avatāra*.

Đáng chú ý là, sự nổi lên của thần Viṣṇu trong vai trò bảo hộ vũ trụ. Trong các phần như *Śatapatha Brāhmaṇa*, Viṣṇu được mô tả như vị thần có thể “xuyên qua ba thế giới” (*trivikrama*) - hành động này là cơ sở cho một trong các *Avatāra* nổi bật sau này là *Vāmana*, hóa thân của Viṣṇu trong hình dạng người lùn (W. Doniger, 2009). Hành động của Viṣṇu trong các kinh điển *Brāhmaṇa* đã hàm chứa tư tưởng giáng thế, vốn sẽ được phát triển đầy đủ trong các *Purāṇa*.

Tuy thuật ngữ *Avatāra* chưa xuất hiện trong các văn bản Veda, nhưng các khái niệm như *līlā* (trò chơi thiêng liêng), *māyā* (ảo hóa) và hành động siêu nhiên của thần linh là những thành tố căn bản cho sự phát triển lý thuyết *Avatāra*. Việc thần linh dùng *māyā* để hiện thân vào thế giới vật chất là điểm nhấn quan trọng sau này trong *Bhagavad Gītā*, nơi Krishna, một *Avatāra* của Viṣṇu, nói rõ: “Khi đạo đức suy thoái, ta hiện thân vào thế giới để bảo vệ người thiện và tiêu diệt kẻ ác” (*Bhagavad Gītā* 4.7-8) (W. Sargeant, 2009).

Ngoài ra, trong văn học Veda, khái niệm *rta*, trật tự vũ trụ đóng vai trò như “đạo lý vũ trụ”, và sự can thiệp của thần linh vào thế giới trần tục nhằm khôi phục *rta* là một mô-típ được lặp đi lặp lại. Niềm tin rằng khi *rta* bị đe dọa, thần linh phải can thiệp, mở đường cho sự hình thành quan điểm *Avatāra* như một hành động có chủ đích và đạo đức cao cả của thần Viṣṇu (J. L. Brockington, 1997).

Như vậy, mặc dù khái niệm *Avatāra* chưa hình thành rõ ràng trong văn học Veda, nhưng các yếu tố nền tảng của nó - như ý tưởng thần linh giáng thế, hiện thân, can thiệp vũ trụ và sử dụng *māyā* - đã hiện diện dưới dạng sơ khai trong các khúc ca *R̥gveda*, kinh *Brāhmaṇa* và các *Upaniṣad*. Những yếu tố này được hệ thống hóa thành lý thuyết hoàn chỉnh trong các văn bản sau như *Bhagavad Gītā* và *Purāṇa*. Do đó, văn học Veda có thể được xem như nền tảng thần học - triết học đầu tiên cho sự hình thành tư tưởng *Avatāra*, một trong những đóng góp đặc sắc nhất của Ấn Độ giáo cho triết học tôn giáo toàn cầu.

2. Sự hình thành và hệ thống hóa: *Avatāra* của Viṣṇu trong *Purāṇa*

Văn học *Purāṇa* gồm hơn mười tám bộ lớn (*Mahāpurāṇa*) và nhiều bộ nhỏ (*Upapurāṇa*), được biên soạn trong khoảng từ thế kỷ IV đến thế kỷ XII sau Công nguyên. Đây là giai đoạn mà Ấn Độ giáo đang tái định hình bản sắc, cạnh tranh với các hệ tư tưởng như Phật giáo và Kỳ-na giáo. Trong bối cảnh đó, hình tượng thần Viṣṇu, được xem là Đấng Bảo hộ (*Preserver*) trong *Trimūrti* (Brahmā - Viṣṇu - Śiva) được nâng lên vị trí trung tâm trong nhiều *Purāṇa* (D. Kinsley, 1983).

Các *Purāṇa* như *Bhāgavata Purāṇa*, *Viṣṇu Purāṇa* và *Agni Purāṇa* đã đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố lý thuyết *Avatāra*, mô tả Viṣṇu là vị thần tối cao có khả năng hóa thân vào thế giới để bảo vệ đạo lý (*dharma*) và tiêu diệt cái ác (*adharma*) (J. L. Brockington, 1997). Hành động hóa thân này không phải là ngẫu nhiên mà tuân theo một quy luật thần linh có mục đích rõ ràng.

Một trong những đóng góp nổi bật của văn học Purāṇa là việc hệ thống hóa mười *Avatāra* chính của Viṣṇu, gọi là *Daśāvatāra*. Danh sách này có thể thay đổi giữa các Purāṇa, nhưng dạng phổ biến nhất bao gồm:

- (1) Matsya - Cá: Cứu Manu (người đầu tiên) khỏi trận đại hồng thủy
- (2) Kūrma - Rùa: Mang núi Mandara trên lưng để khuấy biển sữa (*Samudra Manthana*)
- (3) Varāha - Lợn rừng: Giết quỷ Hiranyākṣa và cứu Trái Đất khỏi biển sâu
- (4) Narasimha - Nửa người, nửa sư tử: Tiêu diệt quỷ Hiranyakaśipu để bảo vệ lòng tin của Prahlāda
- (5) Vāmana - Người lùn: Hóa thân để kiểm chế vua quỷ Bali và tái lập trật tự thế giới
- (6) Paraśurāma - Người sử dụng rìu: Diệt trừ giới Kṣatriya kiêu ngạo, khôi phục công lý
- (7) Rāma - Anh hùng Rāmāyaṇa: Mẫu mực của đạo đức và lý tưởng trị quốc
- (8) Kṛṣṇa - Anh hùng Mahābhārata: Cố vấn của Arjuna, giảng dạy *Bhagavad Gītā*
- (9) Buddha - Đức Phật: Ngăn chặn các nghi thức hiến tế, mở đường cho lòng từ bi
- (10) Kalki - Vị cứu tinh tương lai: Sẽ giáng sinh để tiêu diệt ác ma vào cuối thời kỳ Kali Yuga

Danh sách trên phản ánh một quá trình từ nguyên thủy (Matsya, Kūrma, Varāha) đến lịch sử, thần thoại (Rāma, Kṛṣṇa) và thậm chí là mang yếu tố triết học, tôn giáo (Buddha, Kalki) (W. Doniger, 2009). Một số học giả nhìn nhận *Daśāvatāra* như biểu tượng cho tiến hóa văn hóa xã hội của loài người từ đời sống dưới nước đến xã hội định cư có luật lệ (S. Bhattacharji, 1978).

Avatāra không đơn thuần là sự hóa thân mang tính giải trí thần thoại, mà là hành động của một vị thần tối cao nhằm duy trì *dharma* - trật tự vũ trụ và đạo lý luân lý. Theo *Bhāgavata Purāṇa*: “Bất cứ khi nào đạo lý bị suy tàn và tội ác gia tăng, ta sẽ giáng sinh để tái lập công lý” (*Bhāgavata Purāṇa* 1.3.28). Tư tưởng này được phát triển trực tiếp từ *Bhagavad Gītā* - nơi Krishna, một *Avatāra* của Viṣṇu, tuyên bố: “Khi tội lỗi tăng trưởng và đức hạnh suy tàn, ta tự thân giáng thế” (*Bhagavad Gītā* 4.7-8; (W. Sargeant, 2009)).

Như vậy, *Avatāra* là biểu tượng của sự tương tác giữa thần linh và nhân loại. Viṣṇu không ở xa cách, mà luôn theo dõi và can thiệp đúng lúc. Điều này tạo ra một mô hình tôn giáo giàu tính nhân văn, trong đó thần linh tham gia trực tiếp vào vận mệnh con người. Điều này chứng tỏ lý thuyết *Avatāra* không cứng nhắc, mà luôn thích nghi với bối cảnh xã hội khác nhau. Nó cũng thể hiện tính phổ quát của Viṣṇu như vị thần có thể mang bất kỳ hình thức nào để phù hợp với hoàn cảnh, người dân và yêu cầu lịch sử.

Văn học Purāṇa đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và hệ thống hóa học thuyết *Avatāra* của Viṣṇu, một học thuyết vừa mang tính thần thoại, vừa giàu giá trị triết

học và xã hội. Mười *Avatāra* tiêu biểu không chỉ là câu chuyện huyền thoại mà còn là lời nhắc nhở rằng thần linh luôn hiện diện khi đạo lý bị đe dọa và con người cần đến sự dẫn dắt. Qua hệ thống *Avatāra*, Purāṇa đã mang đến cho Ấn Độ giáo một biểu tượng tôn giáo năng động, gần gũi và giàu nhân văn.

3. Ý nghĩa thần học và xã hội của khái niệm *Avatāra*

Trong thần học Vaiṣṇava, *Avatāra* thể hiện khái niệm “Thiên Chúa can thiệp vào thế gian”, nhằm bảo vệ công lý và tiêu diệt ác lực. Đây là điểm nổi bật khiến Viṣṇu được tôn kính như là “người gìn giữ vũ trụ”, và các *Avatāra* của Ngài được xem là hiện thân của từ bi, trí tuệ và quyền năng thần linh. Khái niệm này cho thấy sự vận hành của một quy luật thần thánh mang tính chu kỳ và có đạo lý nội tại. Mỗi *Avatāra* không chỉ là một câu chuyện thần thoại mà còn phản ánh một nguyên lý đạo đức và tín lý tôn giáo, trong đó thần linh không đứng ngoài thế gian mà trực tiếp nhập thế để giáo hóa và giải cứu.

Đáng chú ý, các hình thức *Avatāra* như Matsya (cá), Kūrma (rùa), Varāha (heo rừng) và Nṛsiṃha (nửa người nửa sư tử) cho thấy sự chuyển hóa từ hình thái phi nhân loại đến con người, đồng thời phản ánh quá trình tiến hóa sinh học và xã hội theo góc nhìn thần thoại (D. Kinsley, 1986). Đây không chỉ là biểu tượng thần linh mà còn là phép ẩn dụ cho sự tiến hóa tinh thần và đạo đức của nhân loại. Như vậy, *Avatāra* mang ý nghĩa thần học sâu xa về sự hiện diện sống động của thần linh trong dòng chảy lịch sử văn hóa Ấn Độ.

Từ khía cạnh soteriological (liên quan đến cứu độ), *Avatāra* chính là phương tiện thần linh giúp giải thoát con người khỏi luân hồi và khổ đau. Trong tư tưởng Bhakti, niềm tin và tình yêu đối với *Avatāra* của Viṣṇu - đặc biệt là Rāma và Kṛṣṇa - được xem là con đường dẫn đến mokṣa (giải thoát), vượt qua cả khổ hạnh (tapas) và tri thức (jñāna) (E. F. Bryant, 2007). Tư tưởng này làm phong phú khái niệm thần học Ấn Độ giáo bằng cách nhấn mạnh mối liên hệ cá nhân giữa con người và thần linh - trong đó *Avatāra* là cầu nối thiêng liêng đưa con người đến gần với thực tại tuyệt đối (Brahman).

Thần học Bhakti còn xem *Avatāra* như biểu hiện lòng thương xót vô biên (dayā) của thần linh. Không giống như các khái niệm thần học trừu tượng trong Vedānta, *Avatāra* tạo điều kiện cho người tín đồ hiểu và cảm nhận thần linh một cách cụ thể, gần gũi. Điều này lý giải tại sao các hình thức *Avatāra* như Rāma và Kṛṣṇa không chỉ là đối tượng thờ phượng mà còn là hình mẫu lý tưởng đạo đức, gắn liền với những thiên sử thi như Rāmāyaṇa và Mahābhārata (K. K. Klostermaier, 2007).

Bên cạnh vai trò thần học, *Avatāra* còn có tác động sâu sắc trong đời sống xã hội và văn hóa Ấn Độ. Các *Avatāra* được xem như biểu tượng của lý tưởng đạo đức và công lý, góp phần định hình quan niệm về người lãnh đạo lý tưởng, như hình ảnh Rāma - đức vua mẫu mực của lý tưởng Rāma-rājya (vương quốc lý tưởng) (A. Sharma, 1996). Rāma được tôn vinh không chỉ trong tư cách một thần linh mà còn là biểu tượng cho công lý, trách nhiệm và sự hy sinh cá nhân vì lợi ích cộng đồng.

Tương tự, Kṛṣṇa trong Mahābhārata và Bhagavad Gītā đại diện cho trí tuệ siêu việt, sự linh hoạt đạo đức và năng lực dẫn dắt nhân loại vượt qua khủng hoảng đạo lý. Như vậy, các *Avatāra* không chỉ mang ý nghĩa siêu hình mà còn định hướng xã hội thông qua hình mẫu lý tưởng và cách giải quyết mâu thuẫn đạo đức trong đời sống (S. J. Rosen, 2006).

Các phong trào Bhakti từ thế kỷ XII trở đi đã sử dụng khái niệm *Avatāra* để truyền bá tinh thần bình đẳng và lòng mộ đạo vượt qua ranh giới giai cấp. Sự tôn thờ *Avatāra* trở thành chất keo gắn kết cộng đồng, đặc biệt trong các lễ hội như Janmāṣṭamī (sinh nhật Kṛṣṇa) hay Rāma Navamī, mang lại không gian tôn giáo vừa thiêng liêng vừa giàu tính cộng đồng (V. Narayanan, 1994).

Tính năng động và mở rộng của khái niệm *Avatāra* cho phép nó thích ứng với các biến động xã hội - từ việc tích hợp các thần địa phương như Jagannātha hay Vithoba vào hệ thống Vaiṣṇava, đến việc thần thánh hóa các nhân vật lịch sử hay lãnh tụ tinh thần như Chaitanya Mahāprabhu hoặc thậm chí Mahatma Gandhi như một dạng “*Avatāra* của thời đại” (J. T. F. Jordens, 1998). Điều này phản ánh tính linh hoạt của thần học Ấn Độ trong việc giải thích và can thiệp vào thực tại xã hội thông qua ngôn ngữ tôn giáo.

Như vậy, khái niệm *Avatāra* trong truyền thống Ấn Độ không chỉ đơn thuần là biểu tượng thần thoại, mà là một khái niệm thần học giàu ý nghĩa và có sức sống xã hội mãnh liệt. Từ một nguyên lý siêu hình về sự nhập thể của thần linh, *Avatāra* trở thành chất liệu định hình đạo đức, niềm tin và cấu trúc xã hội. Chính sự kết hợp hài hòa giữa lý thuyết thần học và thực tiễn xã hội làm cho *Avatāra* trở thành một trong những khái niệm trung tâm, góp phần duy trì sức sống bền bỉ của truyền thống văn hóa Ấn Độ trong suốt chiều dài lịch sử.

4. Biến thể và mở rộng khái niệm *Avatāra*

Ban đầu, khái niệm *Avatāra* trong văn học Purāṇa chỉ định một số hình thái giáng thế cụ thể của Viṣṇu như Matsya (cá), Kūrma (rùa), Varāha (lợn rừng), Narasiṃha (người - sư tử), Vāmana (người lùn), Paraśurāma (Rāma rìu), Rāma (Rāma trong sử thi Rāmāyaṇa), Kṛṣṇa (Kṛṣṇa trong Mahābhārata), Buddha (Đức Phật) và Kalki - hình thành nên hệ thống “*Daśāvatāra*” (mười hóa thân). Tuy nhiên, trong một số văn bản và truyền thống địa phương, danh sách này có sự thay đổi linh hoạt: Buddha (Đức Phật) đôi khi bị thay thế bởi Balarāma hoặc những nhân vật thần thoại khác. Điều này cho thấy *Avatāra* không phải là một hệ thống đóng kín mà có khả năng hấp thụ yếu tố bản địa, lịch sử và địa phương.

Bên cạnh mười hóa thân phổ biến, một số văn bản Purāṇa còn đề cập đến nhiều *Avatāra* khác nhau, phân biệt giữa *Pūrṇa-avatāra* (hóa thân đầy đủ, hoàn toàn) và *Aṃśa-avatāra* (hóa thân từng phần) (G. V. Tagare, 1978). Việc phân loại này phản ánh mức độ can dự của thần linh trong thế giới phàm tục, từ sự hiện thân trọn vẹn như Kṛṣṇa đến các hóa thân mang tính biểu tượng hoặc đại diện một phần năng lực thần thánh. Dù khái niệm *Avatāra* khởi nguồn từ truyền thống Viṣṇu nhưng không bị giới hạn hoàn toàn

trong đó. Trong một số truyền thống Shaiva, thần Śiva cũng được mô tả như có những hóa thân nhằm khôi phục trật tự vũ trụ, mặc dù không sử dụng thuật ngữ *Avatāra* theo nghĩa kinh điển (G. Flood, 1996). Ví dụ, Bhairava - hình thái dữ tợn của Śiva - được xem như sự hóa hiện có mục đích đặc biệt trong các truyền thống Tantra và Śaiva Siddhānta.

Tương tự, trong các nhánh của Shaktism (thờ Nữ thần), Devi - dưới các hình dạng như Durgā, Kālī, Lakṣmī - cũng được mô tả như hiện thân của năng lượng thần linh giáng thế để tiêu diệt ác quỷ và thiết lập công lý. Mặc dù thuật ngữ *Avatāra* ít được sử dụng cho các Nữ thần theo nghĩa chính thống, bản chất “hóa thân có mục đích” vẫn hiện diện rõ nét. Điều này cho thấy khả năng đồng hóa và tái diễn ngữ nghĩa của khái niệm trong hệ thống thần học đa nguyên của Ấn Độ (D. Kinsley, 1986).

Phật giáo Ấn Độ, đặc biệt là Đại thừa, đã tiếp nhận một số yếu tố của khái niệm *Avatāra*, thể hiện qua hình tượng các vị Bồ Tát và sự xuất hiện của chư Phật trong nhiều thế giới khác nhau vì mục đích cứu độ. Dù không sử dụng từ *Avatāra* theo nghĩa trực tiếp, nội dung về sự hóa thân, thị hiện vì lợi ích chúng sinh là tương đồng về mặt bản thể học và mục tiêu (P. Williams, 2009). Trong Phật giáo Tây Tạng, Dalai Lama còn được xem như hóa thân (tulku) của Bồ Tát Avalokiteśvara - một ý niệm gần gũi với *Avatāra* theo cách hiểu Hindu.

Jain giáo, trong khi phản đối sự can thiệp siêu nhiên vào thế giới, cũng phát triển khái niệm về 24 Tīrthaṅkara - những bậc giác ngộ xuất hiện trong các chu kỳ lịch sử để truyền dạy chân lý. Mặc dù không phải là *Avatāra* theo định nghĩa của Hindu giáo, chức năng lịch sử - tôn giáo của Tīrthaṅkara có điểm tương đồng với chức năng giáng thế của Viṣṇu: hướng dẫn và tái lập trật tự đạo đức (P. Dundas, 2002).

Trong thời hiện đại, đặc biệt dưới ảnh hưởng của phong trào cải cách tôn giáo và chủ nghĩa dân tộc Ấn Độ, khái niệm *Avatāra* tiếp tục được mở rộng mang tính biểu tượng và chính trị. Một số nhân vật lịch sử như Mahatma Gandhi, Swami Vivekananda, hay thậm chí Ramakrishna được mô tả như là hóa thân thần thánh nhằm khơi dậy tinh thần đạo đức, cải cách xã hội, hoặc phục hưng văn hóa dân tộc (S. Sarkar, 1985). Việc sử dụng khái niệm *Avatāra* như một công cụ biểu tượng thể hiện nhu cầu kết nối giữa thần thánh và hiện thực lịch sử, cũng như tính linh hoạt trong việc tạo dựng “câu chuyện thiêng” cho các lãnh tụ tinh thần và chính trị.

Ngoài ra, trong văn hóa đại chúng và truyền thông đương đại, *Avatāra* đã trở thành một thuật ngữ phổ thông, vượt qua giới hạn tôn giáo. Trong các bộ phim như *Avatar* của Hollywood hay các truyện tranh Ấn Độ, khái niệm này mang nghĩa biểu tượng rộng: một cá nhân có khả năng vượt khỏi thân phận bình thường để thực hiện sứ mệnh vũ trụ, cứu thế giới, hoặc tái lập công lý.

Khái niệm *Avatāra* không phải là một ý niệm tĩnh mà luôn vận động, biến đổi và mở rộng theo dòng chảy lịch sử, tư tưởng và xã hội Ấn Độ. Từ các hóa thân thần thoại

của Viṣṇu trong Purāṇa, đến sự tích hợp trong các truyền thống ngoài Hindu giáo, và thậm chí cả trong văn hóa hiện đại, *Avatāra* phản ánh khả năng thích ứng của thần thoại vào đời sống con người. Sự biến thể và mở rộng này không làm mất đi bản chất tôn giáo, mà ngược lại, còn làm giàu thêm chiều sâu biểu tượng và ứng dụng xã hội của khái niệm.

5. Avatāra trong Phật giáo

Trong Phật giáo, đặc biệt là Phật giáo Đại thừa, khái niệm *Avatāra* không được sử dụng với thuật ngữ chính thống, nhưng ý tưởng về “hóa thân” của chư Phật và Bồ Tát lại tương đương với khái niệm này. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni được xem như một sự hiện thân (*niṣyanda-buddha*) của chân lý tối hậu (*dharmakāya*) trong thế giới trần tục (*samsāra*). Tư tưởng này được phát triển rõ nét trong các kinh điển Đại thừa như *Kinh Pháp Hoa*, *Kinh Hoa Nghiêm* và *Kinh Lăng Già*, nơi Đức Phật không chỉ là một nhân vật lịch sử mà còn là một biểu hiện linh thiêng có khả năng thị hiện ở nhiều cảnh giới khác nhau để độ sinh (P. Williams, 2009).

Tương tự như các *Avatāra* của Viṣṇu, sự thị hiện của các vị Phật và Bồ Tát trong các hình thức và thời điểm khác nhau đều nhằm mục tiêu “cứu độ chúng sinh” (*upāyaukāśalya*), tức là phương tiện thiện xảo thích nghi với căn cơ. Chẳng hạn, trong *Kinh Pháp Hoa*, Phật Thích Ca Mâu Ni tuyên bố rằng sự nhập diệt chỉ là một phương tiện để khai thị cho chúng sinh về sự vô thường, trong khi thực chất Phật vẫn thường trụ và vẫn thị hiện tùy duyên (L. Hurvitz (dịch), 1976). Điều này phản ánh tư tưởng *Avatāra* một cách tương đối rõ nét: một thực thể linh thiêng hóa thân nhiều lần để hướng dẫn và chuyển hóa nhân gian.

Ngoài ra, hình tượng các Bồ Tát như Quán Thế Âm (*Avalokiteśvara*), Văn Thù (*Mañjuśrī*) hay Phổ Hiền (*Samantabhadra*) trong truyền thống Đại thừa cũng có tính chất *Avatāra*, khi họ có thể xuất hiện dưới nhiều hình dạng, giới tính, và địa vị xã hội khác nhau để phù hợp với đối tượng cần cứu độ. Trong *Kinh Phổ Môn*, Quán Thế Âm có thể thị hiện 33 hình tướng để cứu khổ chúng sinh - một đặc tính rất gần với *Avatāra* của Viṣṇu trong các thần thoại Purana (J. S. Strong, 1995).

6. Avatāra trong bối cảnh chính trị hiện đại

Trong thời kỳ thuộc địa, nhiều nhà cải cách và lãnh tụ tôn giáo Ấn Độ đã sử dụng ngôn ngữ và biểu tượng *Avatāra* để khẳng định vai trò cứu thế của các nhân vật mang tính cách mạng hoặc tôn giáo, như Rama Krishna Paramahansa hay Swami Vivekananda. Các nhân vật này không xưng là thần linh, nhưng những người theo họ đã gán cho họ vai trò “hiện thân” của chân lý tối hậu, như là một loại *Avatāra* thích nghi với thời đại mới (N. P. Sil, 1997). Sự chuyển đổi này cho thấy khái niệm *Avatāra* không còn bị giới hạn trong thần thoại cổ điển mà đã trở thành biểu tượng tôn giáo - chính trị linh hoạt.

Swami Vivekananda, khi phát biểu tại Quốc hội Tôn giáo Thế giới ở Chicago, Mỹ năm 1893, đã không tuyên bố bản thân là *Avatāra*, nhưng ông được xem là người mang tinh thần phục hưng văn hóa và tôn giáo Ấn Độ. Trong các diễn ngôn của tín đồ, ông

được mô tả như là “hiện thân của Viṣṇu trong thời đại mới”, mang lại phẩm giá cho Ấn Độ giáo trong bối cảnh bị áp bức bởi phương Tây (B. A. Hatcher, 2008). Điều này cho thấy *Avatāra* có thể trở thành một khung diễn giải cho những nhân vật đóng vai trò then chốt trong tiến trình tái thiết bản sắc dân tộc.

Từ cuối thế kỷ XX đến nay, các đảng phái chính trị Ấn Độ như Bharatiya Janata Party (BJP) đã tích cực sử dụng biểu tượng tôn giáo, đặc biệt là hình ảnh của các *Avatāra*, để củng cố bản sắc Hindu và lý giải cho chủ nghĩa dân tộc tôn giáo. Nhân vật thần thoại Rāma, được xem là một *Avatāra* của Viṣṇu, đã trở thành trung tâm của các cuộc vận động chính trị, tiêu biểu là phong trào đòi xây đền Rāma tại Ayodhya - nơi từng có Đền Babri bị phá hủy năm 1992 (C. Jaffrelot, 2007).

Việc xây dựng lại đền Rāma không đơn thuần là bảo tồn tín ngưỡng mà là một hành động chính trị biểu tượng: khẳng định sự thống trị của bản sắc Hindu và loại trừ yếu tố Hồi giáo khỏi không gian thiêng. Như vậy, *Avatāra* - vốn là biểu tượng thần linh - đã trở thành công cụ biểu hiện quyền lực chính trị và tái cấu trúc lịch sử dân tộc từ góc nhìn Hindu giáo.

Trong bối cảnh đó, Thủ tướng Narendra Modi đã nhiều lần được ví như một *Avatāra* trong các diễn ngôn dân gian, truyền thông và thậm chí từ một số lãnh tụ tôn giáo. Trong chiến dịch tranh cử, hình ảnh ông xuất hiện trong dáng dấp thần Rāma hoặc Krishna, thể hiện như một “vị cứu tinh” đưa đất nước thoát khỏi “suy đồi đạo đức” và “xâm lăng văn hóa”. Dù Modi không tuyên bố là *Avatāra*, sự tương đồng giữa diễn ngôn tôn giáo và hình tượng chính trị cho thấy *Avatāra* đã được chính trị hóa một cách sâu sắc trong thế kỷ XXI.

Không chỉ phe cánh hữu sử dụng hình ảnh *Avatāra*, các nhóm cải cách xã hội hoặc các cộng đồng thiểu số cũng đôi khi tái định nghĩa khái niệm này như một biểu tượng kháng cự. Tiêu biểu là nhà cải cách xã hội B. R. Ambedkar - người sáng lập phong trào Dalit - được một số cộng đồng Phật tử mới (Neo-Buddhists) coi là một loại *Avatāra*, hiện thân của từ bi và công lý xã hội (G. Omvedt, 2004). Dù điều này không nằm trong khuôn mẫu thần học Hindu, nó cho thấy sức sống và khả năng chuyển hóa của *Avatāra* trong các bối cảnh đấu tranh giai cấp và công bằng xã hội.

Một số phong trào môi trường và nữ quyền ở Ấn Độ cũng đã xây dựng những biểu tượng “*Avatāra* của mẹ thiên nhiên” hoặc “*Avatāra* nữ thần” để kháng cự lại các hệ thống áp bức mang tính gia trưởng và khai thác môi trường. Điều này làm nổi bật tính linh hoạt khái niệm *Avatāra* - không chỉ là hiện thân thần linh, mà còn là hiện thân của nguyên lý đạo đức, công lý và thay đổi xã hội.

Khái niệm *Avatāra* cũng thâm nhập vào văn hóa đại chúng hiện đại qua điện ảnh, truyền hình và mạng xã hội. Các bộ phim như *Baahubali* (2015 - 2017) hoặc *Ramayana* trên truyền hình Ấn Độ (1987) đã phổ biến rộng rãi hình ảnh các *Avatāra* như Rama và Krishna như là những hình mẫu anh hùng đạo đức, đầy quyền năng và gắn kết sâu sắc

với lý tưởng dân tộc. Theo Dwyer, việc xây dựng hình tượng các *Avatāra* trong điện ảnh không chỉ mang tính giải trí mà còn tái khẳng định hệ giá trị tôn giáo - chính trị và góp phần củng cố ý thức hệ Hindu giáo đại chúng (R. Dwyer, 2006).

Kết luận

Như vậy, khái niệm hóa thân có sự hình thành và tiến triển lâu dài trong các truyền thống Ấn Độ, từ sự manh nha trong các văn bản Veda cổ điển cho đến sự phát triển mạnh trong thời kỳ các sử thi Mahabharata và Ramayana. Trong Mahabharata, đặc biệt là Bhagavad Gita, khái niệm *Avatāra* được gắn với thần Vishnu như là đáng giáng thế nhằm cứu độ thế gian. Sau này, các hóa thân của thần Vishnu được hệ thống hóa thành Dasavatara (10 hóa thân), phản ánh sự tiến triển của niềm tin tâm linh và quá trình diễn giải thần thoại theo hướng xã hội - lịch sử. Trong truyền thống Saiva, khái niệm hóa thân được tiếp nhận và biến thể, biểu hiện qua các hiện thân của thần Shiva. Trong Phật giáo Đại thừa, khái niệm hóa thân được biểu hiện qua hình ảnh các vị Bồ Tát thị hiện cứu khổ. Như vậy, sự tiến triển của khái niệm hóa thân cho thấy ảnh hưởng qua lại giữa các truyền thống Ấn Độ. Rõ ràng, khái niệm hóa thân không chỉ là một hiện tượng thần học, mà còn là biểu hiện của sự năng động trong văn hóa tôn giáo Ấn Độ.

Trong bối cảnh hiện đại, khái niệm *Avatāra* đã vượt khỏi ranh giới tôn giáo thuần túy để trở thành một biểu tượng chính trị, xã hội và sức mạnh của văn hóa truyền thống Ấn Độ. Từ hình ảnh Rama trong phong trào Ayodhya, đến biểu tượng hóa Modi như vị cứu tinh dân tộc, từ Ambedkar như *Avatāra* của công lý xã hội, đến các hình tượng đại chúng trong điện ảnh, khái niệm *Avatāra* đã được tái định nghĩa và sử dụng như một công cụ định hình bản sắc, quyền lực và kháng cự. Điều này cho thấy tính linh hoạt và sức sống của một khái niệm cổ đại trong dòng chảy hiện đại hóa, toàn cầu hóa và chính trị hóa tôn giáo.

Tài liệu tham khảo

1. A. Sharma (1996). *The concept of universal religion in modern Hindu thought*. Palgrave Macmillan.
2. B. A. Hatcher (2008). *Bourgeois Hinduism, or the faith of the modern Vedantists: Rare discourses from early colonial Bengal*. Oxford University Press.
3. C. Jaffrelot (2007). *Hindu Nationalism: a reader*. Princeton University Press.
4. D. Kinsley (1983). *Hindu Goddesses: Visions of the Divine Feminine in the Hindu Religious Tradition*. Berkeley: University of California Press.
5. D. Kinsley (1986). *Hindu Goddesses: Visions of the Divine Feminine in the Hindu Religious tradition*. Berkeley: University of California Press.
6. E. F. Bryant (2007). *Krishna: a sourcebook*. Oxford University Press.
7. G. Flood (1996). *An introduction to Hinduism*. Cambridge: Cambridge University Press.
8. G. Omvedt (2004). *Ambedkar: Towards an Enlightened India*. Penguin Books India.

9. G. V. Tagare (1978). *The Bhagavata Purana: Part I.* . Motilal Banarsidass.
10. J. L. (1997). *The sacred thread: A short story of Hinduism.* Oxford University Press Brockington.
11. J. S. Strong (1995). *The experience of Buddhism: Sources and Interpretations.* Belmont: Wadsworth Publishing.
12. J. T. F. Jordens (1998). *Gandhi's religion: a homespun Shawl.* Palgrave Macmillan.
13. K. K. Klostermaier (2007). *A Survey of Hinduism (3rd ed.).* SUNY Press.
14. L. Hurvitz (dịch) (1976). *Scripture of the Lotus Blossom of the fine Dharma (the Lotus sutra).* New York: Columbia University Press.
15. N. P. Sil (1997). *Ramakrishana revisited: a new biography.* University Press of America.
16. P. Dundas (2002). *The Jains (2nd ed).* Routledge.
17. P. Williams (2009). *Mahayana Buddhism: The Doctrinal Foundations (2nd ed.).* Routledge.
18. R. Dwyer (2006). *Filming the Gods: religion and Indian cinema.* Routledge.
19. Romesh C. Dutt (2019). *The Civilization of India.* Maven Books.
20. S. Bhattacharji (1978). *The Indian thogony: A comparative study of Indian mythology from the Vedas to the Puranas .* New Delhi: Rakesh Press.
21. S. J. Rosen (2006). *Essential Hinduism .* Praeger.
22. S. Radhakrishnan (1953). *The Principal Upanishads.* London: George Allen & Unwin.
23. S. Sarkar (1985). *Modern India: 1885-1947.* Macmillan.
24. V. Narayanan (1994). *The Vernacular Veda: Rewriting the Sacred Script in India. .* University of South Carolina Press.
25. W. Doniger (1981). *The Rig Veda: An anthology.* Penguin Classics.
26. W. Doniger (2009). *The Hindus: An Alternative history.* New York: Penguin Press.
27. W. Sargeant (2009). *The Bhagavad Gita.* Albany: State University of New York Press.